TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2021
V/v tranh chấp "hôn nhân và gia đình, ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông La Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HN ngày 17 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HN ngày 03 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Hà Kim A, sinh ngày 1991, nơi cư trú: tổ 11, ấp BH 2, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông SU CHIH Y, sinh năm 1969, nơi cư trú: 72/26 Đoạn 2, PN, Khóm 005, phường HV, khu Đ, thành phố Đài Nam, Đài Loan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn bà Hà Kim A trình bày:

Bà Hà Kim A và ông SU CHIH Y do mai mối, quen biết, có tổ chức lễ cưới, đăng ký và được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 241, Quyển 02 ngày 01/10/2015. Sau khi kết hôn ông SU CHIH Y về Đài Loan và vợ chồng không liên lạc cho đến nay. Bà Hà Kim A yêu cầu ly hôn với ông SU CHIH Y.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông SU CHIH Y đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án nhưng việc ủy thác không tống đạt được đến ông Y do địa chỉ ông Y cung cấp theo giấy chứng nhận kết hôn không chính xác. Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Taipei, Đài Loan thực hiện thông báo trên Cổng thông tin điện tử về yêu cầu ly hôn của bà Anh và thông báo trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhưng quá hạn ông Y không có ý kiến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt.

Hội đồng xét xử đã công bố bản tự khai của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa do không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông SU CHIH Y hiện tại đang cư trú tại 72/26 Đoạn 2, PN, Khóm 005, phường HV, khu Đ, thành phố Đài Nam, Đài Loan, nguyên đơn cư trú: Ấp BH 2, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Bị đơn ông SU CHIH Y đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án nhưng việc ủy thác không tống đạt được đến ông Y do địa chỉ ông Y cung cấp theo giấy chứng nhận kết không chính xác. Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Taipei, Đài Loan thực hiện thông báo trên Cổng thông tin điện tử về yêu cầu ly hôn của bà Anh và thông báo trên cổng thông tin điện tử Tòa án nhưng quá hạn ông Y không có ý kiến gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Căn cứ điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung, xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Hà Kim A và ông SU CHIH Y do mai mối, quen biết, có tổ chức lễ cưới, đăng ký và được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 241, Quyển 02 ngày 01/10/2015.

Sau khi kết hôn ông SU CHIH Y về Đài Loan đến nay, bà Anh không liên lạc được ông SU CHIH Y.

Thấy rằng vợ chồng do hoàn cảnh địa lý cách xa, không có điều kiện chung sống, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Anh đối với ông SU CHIH Y theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận việc bà Hà Kim A xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Anh và ông Y trong thời kỳ hôn nhân thì bà Hà Kim A và ông SU CHIH Y phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 477, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Kim A;

1. Bà Hà Kim A được ly hôn với ông SU CHIH Y.

Giấy chứng nhận kết hôn số 241, Quyển 02 ngày 01/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận việc bà Hà Kim A xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Hà Kim A và ông SU CHIH Y trong thời kỳ hôn nhân thì bà Hà Kim A và ông SU CHIH Y phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Hà Kim A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008439 ngày 10/12/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Hà Kim A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Hà Kim A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007420 ngày 14/12/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Hà Kim A đã nộp đủ lệ phí ủy thác.

Bà Hà Kim A được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trong thời 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Thời hạn kháng cáo của ông SU CHIH Y là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Phòng KTNV-THA;
- Văn phòng;
- Lưu: Tòa GĐ&NCTN, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

La Hồng